TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 213/2023/HC-PT
Ngày 19/7/2023
Về *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Vũ Thanh Liêm, ông Nguyễn Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 25/2023/TLPT-HC ngày 01/3/2023 về *"Khiêu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2023/HC-ST ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2561/2023/QĐ-PT ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

Người khởi kiện: ông Trần Thanh H, có mặt; địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 26/5/2022 của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Hoài T; địa chỉ: G T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Mai Thị T1, thuộc Công ty L, Đoàn Luật sư tỉnh Q, có mặt.

*Người bị kiện:*Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: G H, Thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 07/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T *là* ông Trần Trung H1 (Phó Chủ tịch UBND thành phố T) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Nguyễn Thanh B - Chủ tịch UBND xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

+ Ông Doãn Bá N - Công chức địa chính - Xây dựng UBND xã T; địa chỉ: thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng N1 - Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T; địa chỉ: G đường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lương Thị P, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt. *Người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 26/5/2022 là b*à Nguyễn Thị Hoài T; địa chỉ: G T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2022 và quá trình tố tụng, phía Người khởi kiện là ông Trần Than H2 *trình bày:* Trước đây gia đình ông H2 sống tại vùng ngập lụt, sạt lở, năm 2001 gia đình ông H2 di dời vào thôn T, xã T và bắt đầu sử dụng hơn 700m^2 đất có chiều ngang mặt tiền theo phân lô của UBND xã T để các hộ gia đình thuộc diện di dời bốc thăm sử dụng là 08m, nhưng không giới hạn chiều sâu của lô đất. Năm 2002, vợ chồng ông H2 tiến hành xây nhà trên một phần diện tích đất, phần còn lại gia đình ông H2 sử dụng xây dựng chuồng trại chăn nuôi và trồng cây lâu năm. Ngày 18/6/2018, hộ ông Trần Thanh H được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 248076 đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số, 08, tại xã T, thành phố T, diện tích 224,2m^2 (gồm 200m^2 đất ở và 24,2m^2 đất trồng cây lâu năm), diện tích đất được cấp giấy chứng nhận chỉ là một phần diện tích thực tế hộ ông H sử dụng. Ngày 15/3/2022, UBND xã T tiến hành kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của hộ ông H và cho rằng ông H đã có hành vi lấn đất nên công chức địa chính - xây dựng xã T tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông H và đề nghị Chủ tịch UBND thành phố T xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 24/3/2022 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1195/QĐ-UBND xử phạt vi phạm hành chính đối với ông H về hành vi lấn đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn với số tiền 4.000.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, trả lại đất đã lấn chiếm. Ngày 17/5/2022, Chủ tịch UBND thành phố T tiếp tục ban hành Quyết định số 2192/QD-CCXP, cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 được đính chính bởi quyết định số 2735/QĐ-ĐC ngày 21/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T với nội dung đính chính thành quyết định số 1195/QĐ-XPHC.

Các quyết định số 1195/QĐ-XPHC ngày 24/3/2022 và số 2192/QĐ- CCXP ngày 17/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T là không đúng pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông H vì ông H không có hành vi lấn đất, toàn bộ diện tích đất 700,7m^2 theo hiện trạng hiện nay được gia đình ông H sử dụng ổn định từ năm 2002 không tranh chấp và có ranh giới rõ ràng với các hộ liền kề, thời điểm xây dựng các công trình trên đất cũng không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Ông H đã xây dựng hàng rào bao quanh diện tích đất 700,7m^2 này từ năm 2002 và theo Biên bản vi phạm hành chính ngày 15/3/2022 đã ghi *"Thời điểm lấn vào năm 2002"*; như vậy, hành vi lấn đất của ông H đã chấm dứt vào năm 2002 nên đã hết thời hiệu bị xử phạt vi phạm hành chính. Ngoài ra, ngày 21/6/2022 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2735/QĐ-ĐC đính chính Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số

1195/QD-UBND ngày 24/3/2022 thành số "1195/QD-XPHC", do đó ngày 21/6/2022 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính mới phát sinh hiệu lực pháp luật; tuy nhiên, trước đó ngày 17/5/2022 Chủ tịch UBND thành phố T đã ban hành quyết định cưỡng chế số 2192/QĐ-CCXP là không phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các Quyết định số 1195/QD-XPHC ngày 24/3/2022 và số 2192/QD-CCXP ngày 17/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T.

- *Người bị kiện là Chủ tịch* UBND thành phố T *trình bày:*

Ông Trần Thanh H là đối tượng được di dân vào năm 2001-2002 từ vùng ngập lụt, sạt lỡ đến thôn T, xã T để sinh sống cùng với khoảng 25 hộ dân khác, theo chủ trương của Nhà nước và được Nhà nước bố trí 01 lô đất để làm nhà ở với diện tích khoảng 200m^2, có chiều ngang mặt tiền là 08m. Diện tích đất gia đình ông H được cấp để xây dựng nhà ở theo hồ sơ kê khai, đăng ký đất đai theo Nghị định 64/CP được Sở địa chính duyệt vào ngày 01/4/1998 thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 7, xã T, thành phố T, diện tích 126.620m^2, loại đất RTS, nằm trong quỹ đất công ích của xã T. Năm 2018, hộ ông Trần Thanh H đã được UBND thành phố T cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số BY 248076 đối với diện tích đất 224,2m^2 thuộc thửa đất số 95, tờ bản đồ số 08, tại xã T, thành phố T. Qua kiểm tra hiện trạng sử dụng đất thì diện tích đất hộ ông H đang sử dụng hiện nay là 700,7m^2 tăng hơn so với diện tích được cấp Giấy chứng nhận là 476,5m^2. Theo *Sổ mục kê đất đai* do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q phê duyệt ngày 29/6/2017 thì diện tích đất 476,5m^2 *(Diện tích nằm ngoài giấy chứng nhận đã cấp)* hộ ông H đang sử dụng thuộc thửa đất số 323, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.062,6m^2, loại đất cây lâu năm và cũng nằm trong quỹ đất công ích của xã T, quá trình sử dụng đất ông H tự cơi nới, lấn sang phần đất công ích do UBND xã T.

Căn cứ Điều 3, Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì hành vi của ông Trần Thanh H là hành vi lấn đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thon. Vì vậy quyết định số Quyết định số 1195/QĐ- XPHC ngày 24/3/2022 về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 2192/QĐ-CCXP ngày 17/5/2022 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, đối với ông Trần Thanh H của Chủ tịch UBND thành phố T là đảm bảo đúng quy định pháp luật vì theo quy định của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 thì hành vi lấn đất của ông H được xác định là hành vi đang diễn ra, chưa chấm dứt, ngày 15/3/2022 UBND xã T thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố T về việc kiểm tra, rà soát diện tích đất công ích, qua kiểm tra mới phát hiện ông H lấn đất. Do đó, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1195/QĐ-XPHC ngày 24/3/2022 là còn trong thời hiệu. Sau khi nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính ông H đã không chấp hành, hết thời gian chấp hành quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật mà người bị xử phạt là ông H không chấp hành quyết định nên Chủ tịch UBND thành phố T ban hành quyết định cưỡng chế số 2192/QĐ-CCXP ngày 17/5/2022 là đúng quy định.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 03/2023/HC-ST ngày 09/01/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 3 Điều 116; Điều 158; điểm a, khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính 2015; điểm a khoản 1 Điều 6, Điều 38, khoản 1 Điều 66, Điều 68, Điều 73, điểm a khoản 1 Điều 86, điểm a khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2013 (Sửa đổi bổ sung năm 2020); khoản 1 Điều 2, Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013; khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 2, điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 (Sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H *về việc: yêu cầu hủy Quyết định số 1195/QĐ-XPHC ngày 24/3/2022 của Chủ tịch* Ủy ban nhân dân thành phố T *về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 2192/QĐ-CCXP ngày 17/5/2022 của Chủ tịch* Ủy ban nhân dân thành phố T *về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.*

[2] Án phí hành chính sơ thẩm: ông Trần Thanh H *phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000156 ngày 01/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.*

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Trần Thanh H *phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Ông* Trần Thanh H *đã nộp đủ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng)*

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 16/01/2023, ông Trần Thanh H kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 1195/QĐ-XPHC ngày 24/3/2022 và số 2192/QD-CCXP 17/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông H, người đại diện theo ủy quyền cho ông H và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận taonf bộ kháng cáo của ông H.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng nội dung vụ án, đúng pháp luật, nên đề nghị bác kháng cáo của ông H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quyết định số 1195/QĐ-XPHC và Quyết định số 2192/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố T đã ban hành đảm bảo về hình thức, đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục, đúng thời hạn, thời hiệu theo quy định tại Điều 6, Điều 38, Điều 58, khoản 1 Điều 66, Điều 68, Điều 86, điểm a khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2013 *(Sửa đổi bổ sung năm 2020);* Điều 4, khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐCP ngày 19/11/2019 của Chính phủ *(Sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ);* khoản 1 Điều 2, Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

[2] Xét kháng cáo của ông H yêu cầu hủy Quyết định số 1195/QĐ-XPHC ngày 24/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi lấn chiếm đất của ông H, cấp phúc thẩm thấy theo *Sổ mục kê đất đai* do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q phê duyệt ngày 29/6/2017 thì hộ ông Trần Thanh H đăng ký sử dụng thửa đất số 95, tờ bản đồ số 8 tại thôn T (nay là thôn T), xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có diện tích là 224,2m^2, loại đất ONT+CLN, gồm 200m^2 đất ONT là và 24,2m^2 đất CLN. Năm 2018, hộ ông H được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 248076 đối với diện tích đất nêu trên. Diện tích theo hiện trạng đang sử dụng hiện nay của hộ ông H là 700,7m^2 tăng hơn so với diện tích được cấp Giấy chứng nhận là 476,5m^2. Căn cứ hồ sơ kê khai, đăng ký đất đai theo Nghị định 64/CP được Sở địa chính duyệt vào ngày 01/4/1998 thì diện tích đất 476,5m^2 nằm trong thửa đất số 86, tờ bản đồ số 7, xã T, thành phố T, có diện tích 126.620m^2, loại đất RTS thuộc quỹ đất công ích của UBND xã T. *Sổ mục kê* đất đai do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q phê duyệt ngày 29/6/2017 thì diện tích 476,5m^2 đất nằm trong quỹ đất công ích của UBND xã T, thuộc thửa đất số 323, tờ bản đồ số 8, diện tích 3062,6m^2, loại đất cây lâu năm; như vậy, hồ sơ địa chính thể hiện ông H không kê khai, đăng ký diện tích đất 476,5m^2. Mặt khác, *Biên bản xác định ranh giới, mốc gới thửa đất* lập ngày 14/4/2012 và *Bản xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất* lập ngày 15/6/2012 thể hiện ông H ký xác nhận diện tích đất gia đình ông H sử dụng là 224,2m^2, có tứ cận giáp với đường giao thông và đất do UBND xã quản lý.

Vì các lý do trên, đủ cơ sở xác định việc ông H cho rằng diện tích đất 476,5m^2 tiếp giáp diện tích đất gia đình ông H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 248076 thì gia đình ông H đã sử dụng ổn định, xây hàng rào bao quanh từ năm 2002 là không có cơ sở để được chấp nhận; hơn nữa, khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 224,2m^2, ông H không khiếu nại, khiếu kiện về diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận; ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm, ông H thừa nhận khi được Nhà nước bố trí đất để làm nhà ở năm 2001 thì mỗi hộ gia đình thuộc diện di dân trong đó có gia đình ông H được bốc thăm 01 lô đất đã cắm mốc có chiều ngang mặt tiền 08m; trong khi Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/8/2022 thể hiện chiều ngang mặt tiền diện tích đất ông H đang sử dụng là 12,2m, tăng 4,2m, điều này cho thấy quá trình sử dụng đất ông H tự ý cơi nới ranh giới thửa đất 95 lấn sang quỹ đất công ích do UBND

xã T, không được cơ quan có thẩm quyền cho phép là hành vi lấn, chiếm đất theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Vì vậy Quyết định 1195/QĐ- XPHC ngày 24/3/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T xử phạt vi phạm hành chính đối với ông H về hành vi lấn đất nông nghiệp, buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả *"Khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã lấn"* theo quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đối với Quyết định số 2192/QĐ-CCXP ngày 17/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông H, thấy Quyết định số 1195/QĐ-XPHC ngày 24/3/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T xử phạt vi phạm hànhchính và buộc khôi phục lại trình trạng ban đầu là đúng pháp luật. Căn cứ Giấy báo Fax và sự thừa nhận của ông H thì ngày 04/4/2022 ông H nhận được quyết định 1195/QĐ-XPHC ngày 24/3/2022, nhưng ông H không chấp hành; do đó, ngày 17/5/2022 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2192/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc ông H khắc phục hậu quả khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã lấn chiếm là đúng quy định tại các Điều 73, 85, 86, 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2013 *(sửa đổi bổ sung năm 2020);* Điều 2, Điều 33 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013; bên cạnh đó ngày 06/9/2022, ông H cũng đã viết cam kết sẽ tháo dỡ phần đất vi phạm gửi Ủy ban nhân dân xã T.

[4] Xét trình bày của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông H cho rằng hành vi lấn đất của ông H đã chấm dứt năm 2002 nên hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, cấp phúc thẩm xét thấy Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ đinh nghĩa hành vi "Lấn đất" được xác định là hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện nên thời hiệu được tính từ thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm. Ngày 15/3/2022, kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của hộ ông H, Công chức địa chính - xây dựng xã T phát hiện hành vi vi phạm của ông H nên tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính, ngày 24/3/2022 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1195/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông H về hành vi lấn đất là còn trong thời hiệu.

[5] Từ các chứng cứ, tài liệu dẫn chứng, phân tích tại các mục trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1195/QĐ-XPHC ngày 24/3/2022 và số 2192/QD-CCXP 17/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T là có căn cứ, đúng pháp luật nên bác kháng cáo của ông H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, ông H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 348, 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của ông Trần Thanh H và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 03/2023/HC-ST ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, cụ thể:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 3 Điều 116; Điều 158; điểm a, khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính 2015; điểm a khoản 1 Điều 6, Điều 38, khoản 1 Điều 66, Điều 68, Điều 73, điểm a khoản 1 Điều 86, điểm a khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2013 (Sửa đổi bổ sung năm 2020); khoản 1 Điều 2, Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013; khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 2, điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 (Sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H gồm yêu cầu hủy Quyết định số 1195/QĐ-XPHC ngày 24/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về xử phạt vi phạm hành chính và hủy Quyết định số 2192/QĐ-CCXP ngày 17/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

[2] Án phí hành chính sơ thẩm: ông Trần Thanh H phải chịu 300.000 đồng, trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0000156 ngày 01/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Trần Thanh H phải chịu 3.000.000 đồng, ông đã nộp đủ và chi xong.

[4] Án phí hành chính phúc thẩm: ông Trần Thanh H phải chịu 300.000 đồng, trừ vào số tiền 300.000 đồng ông H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000315 ngày 31/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân